

Số: /DK-TTBVTV

Ninh Bình, ngày tháng 3 năm 2022

DỰ KIẾN

Tình hình phát sinh và gây hại của một số sinh vật gây hại chính trên các cây trồng vụ Đông Xuân năm 2022

I. NHỮNG CƠ SỞ, CĂN CỨ

- Căn cứ vào tình hình thời tiết từ đầu vụ Đông xuân 2021-2022 đến nay và nhận định xu thế thời tiết từ nay đến cuối vụ của Trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh: Nhiệt độ trung bình từ tháng 1-tháng 3/2022 phổ biến thấp hơn từ 0,5-1⁰ C so với TBNN, từ tháng 3-tháng 6/2022 nhiệt độ phổ biến ở mức xấp xỉ TBNN. Lượng mưa từ tháng 1-tháng 2/2022 phổ biến 46,1-88,5mm tổng lượng mưa cao hơn so với TBNN, từ tháng 3-tháng 6/2022 lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ TBNN.

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất vụ Đông xuân năm 2021-2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Ninh Bình. Tổng diện cây trồng chính là: 47.205,7 ha. Trong đó cây lúa 40.000 ha, cây rau, màu các loại 7.205,7 ha. Đến nay diện tích lúa đã gieo cấy là 39.894 ha (đạt 99,7% so với kế hoạch), diện tích cây rau, màu các loại đã gieo trồng là 6.452,4 ha (đạt 89,5% so với kế hoạch).

+ Cơ cấu trà, giống lúa: Trà xuân sớm diện tích là 1.600 ha (chiếm 4,01% diện tích) giống gieo cấy chủ yếu là Nhị ưu 838, Thái Xuyên 111, Khang dân 18... Trà xuân muộn diện tích là 38.294 ha (chiếm gần 96% diện tích) giống gieo cấy chủ yếu các giống như là: Bắc thơm số 7, LT2, DQ11, TBR225, VNR20, Đài thơm 8, Khang dân 18, Nếp 97, Thiên ưu 8,...

+ Thời vụ: Trà xuân sớm gieo tập trung từ ngày 05-15/12/2021, cấy tập trung trong tháng 01/2022; Trà xuân muộn gieo tập trung cuối tháng 01, cấy và gieo thẳng tập trung trong tháng 2. Tuy nhiên do ảnh hưởng của đợt rét đậm, rét hại từ ngày 19-22/02/2022 đã làm ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của các cây trồng nói chung và cây lúa nói riêng; diện tích lúa gieo sạ, mới cấy cây lúa sinh trưởng và phát triển chậm, một số diện tích khuyết danh, chết cục bộ.

- Căn cứ vào diễn biến tình hình các sinh vật gây hại hiện tại cũng như quy luật phát sinh, phát triển của chúng trong những năm gần đây, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật dự kiến tình hình phát sinh và gây hại của một số đối tượng sinh vật gây hại chủ yếu trong vụ Đông xuân năm 2021-2022.

II. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH DỊCH HẠI VỤ ĐÔNG XUÂN NĂM 2022

1. Trên cây lúa

1.1. Bệnh đạo ôn

- *Trên lá*: Bệnh gây hại trên các trà lúa, cao điểm gây hại của bệnh từ thượng tuần đến hạ tuần tháng 4. Bệnh hại nặng trên những ruộng lúa xanh tốt, bón thừa đạm, giống nhiễm như: TBR 225, Nếp, Đài thơm 8, Thiên ưu 8, BC15, LT₂, Bắc thơm số 7, KD 18,... Tỷ lệ bệnh phổ biến: 2-3%; nơi cao: 10-30%; cá biệt: 70-90% số lá, nếu không phát hiện và phòng chống kịp thời sẽ có ổ bị lùn lụi. Quy mô, mức độ gây hại cao hơn so với vụ Đông xuân 2021.

- *Trên cổ bông*: Bệnh gây hại cục bộ trên các trà lúa, cao điểm gây hại của bệnh từ hạ tuần tháng 4 đến hạ tuần tháng 5. Đặc biệt bệnh hại nặng trên những diện tích đã bị bệnh đạo ôn lá, giống nhiễm, diện tích xanh tốt gần nguồn bệnh. Tỷ lệ bệnh nơi cao: 5-10%; cá biệt: 20-30% số bông (Nho Quan, Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khánh,...). Quy mô, mức độ gây hại cao hơn so với vụ Đông xuân 2021.

1.2. Chuột: Gây hại từ khi gieo hạt đến khi thu hoạch, hại chủ yếu giai đoạn đòng - trổ, hại nặng trên ruộng cạn nước, ven làng, ven thỏ, ven đê, gần các khu công nghiệp, đất trống,... Tỷ lệ hại nơi cao: 5-10%; cá biệt 20-40% số danh, đòng (Nho Quan, Gia Viễn, TP Tam Điệp, Hoa Lư, Yên Mô, Yên Khánh,...). Quy mô, mức độ hại tương đương so với vụ Đông xuân 2021.

1.3. Sâu cuốn lá nhỏ

- *Lúa 1*: Trưởng thành ra rộ từ hạ tuần tháng 3 đến thượng tuần tháng 4, sâu non nở rộ từ hạ tuần tháng 3 đến thượng tuần tháng 4, gây hại rải rác trên các trà lúa. Mật độ phổ biến: 0,2-0,3 con/m²; nơi cao: 1-2 con/m²; cá biệt: 3-5 con/m². Mật độ sâu tương đương so với vụ Đông xuân 2021, đây là lúa tích lũy ở đầu vụ.

- *Lúa 2*: Trưởng thành ra rộ từ trung tuần đến hạ tuần tháng 4, sâu non nở rộ từ hạ tuần tháng 4 đến thượng tuần tháng 5, gây hại rộng trên trà lúa xuân muộn đang ở giai đoạn đòng đến ôm đòng. Mật độ phổ biến: 40-50 con/m²; nơi cao: 100-120 con/m²; cá biệt trên 200 con/m² (Kim Sơn, Yên Mô, Yên Khánh, Hoa Lư,...). Nếu không phát hiện và phòng trừ kịp thời, nhiều diện tích bị hại nặng sẽ làm sơ trắng lá, ảnh hưởng lớn đến năng suất lúa. Quy mô, mức độ gây hại tương đương so với vụ Đông xuân năm 2021.

- *Lúa 3*: Trưởng thành ra rộ từ trung tuần đến hạ tuần tháng 5, sâu non nở rộ từ hạ tuần tháng 5 đến thượng tuần tháng 6, gây hại cục bộ trên trà lúa trổ muộn, diện tích xanh tốt. Mật độ phổ biến: 20-30 con/m² mật độ nơi cao: 50-70 con/m²; cá biệt trên 100 con/m² (Kim Sơn, TP Ninh Bình,...). Quy mô, mức độ gây hại cao hơn so với vụ Đông xuân 2021.

1.4. Rầy nâu, rầy lưng trắng

- *Lúa 1*: Rầy cám nở rộ từ hạ tuần tháng 3 đến thượng tuần tháng 4. Mật độ phổ biến: 10-20 con/m²; nơi cao: 30-50 con/m²; cá biệt 100-200 con/m² (Yên Khánh, Kim Sơn, Yên Mô,...), đây là lúa rầy tích lũy ở đầu vụ. Quy mô, mức độ hại tương đương so với vụ Đông xuân 2021.

- *Lúa 2*: Rầy cám nở rộ từ hạ tuần tháng 4 đến thượng tuần tháng 5, gây hại rộng trên các trà lúa ở giai đoạn phân hóa đòng đến trổ bông. Mật độ phổ biến từ: 200-250 con/m²; nơi cao: 700-1000 con/m²; ở trên 2.000 con/m² (Kim Sơn, Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, Hoa Lư,...). Nếu không phát hiện và phun trừ kịp thời, nhiều diện tích bị hại nặng sẽ làm đổ lúa. Quy mô, mức độ hại tương đương so với vụ Đông xuân 2021.

- *Lúa 3*: Rầy cám nở rộ từ hạ tuần tháng 5 đến thượng tuần tháng 6, gây hại cục bộ trên các trà lúa, đặc biệt trên trà lúa xuân muộn đang ở giai đoạn trổ bông đến chín. Mật độ phổ biến: 90-100 con/m²; nơi cao: 300-500 con/m²; ở trên 1.500 con/m² (Yên Mô, Yên Khánh, Kim Sơn, Hoa Lư, TP Ninh Bình,...). Nếu không phòng trừ kịp thời, rầy sẽ gây cháy ở trên trà lúa xuân muộn đang ở giai đoạn chắc xanh - chín. Quy mô, mức độ gây hại cao hơn so với vụ Đông xuân 2021.

1.5. Sâu đục thân lúa hai chấm

- *Lúa 1*: Trưởng thành ra rộ từ trung tuần đến hạ tuần tháng 3, sâu non nở rộ từ trung tuần tháng 3 đến thượng tuần tháng 4, gây hại rải rác trên các trà lúa, tỷ lệ hại nơi cao: 0,1-0,3%, cá biệt 0,5-1% số dảnh (Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư,...). Quy mô, mức độ hại tương đương so với vụ Đông xuân 2021, đây là lúa tích lũy trong vụ.

- *Lúa 2*: Trưởng thành ra rộ từ hạ tuần tháng 4 đến trung tuần tháng 5, sâu non nở rộ từ thượng tuần đến hạ tuần tháng 5, gây hại cục bộ trên trà lúa trổ sau ngày 10/5 ở các huyện phía Bắc tỉnh và sau ngày 20/5 ở các huyện phía Nam tỉnh. Tỷ lệ hại nơi cao: 0,1-0,5%, cá biệt 1-3% bông bạc (Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư, Yên Mô...). Quy mô, mức độ gây hại tương đương so với vụ Đông xuân 2021.

1.6. Bệnh khô vằn: Gây hại rộng trên các trà lúa, giống lúa, đặc biệt bệnh hại nặng trên những ruộng cấy dày, bón thừa đạm, bón không cân đối, ruộng cạn nước. Cao điểm gây hại của bệnh từ giai đoạn lúa phân hoá đòng đến trổ bông, vào chắc. Tỷ lệ bệnh phổ biến: 3-5%; nơi cao: 10-20%; cá biệt: 30-50% số dảnh, đòng (Yên Mô, Yên Khánh; Hoa Lư, Kim Sơn,...). Quy mô, mức độ gây hại thấp so với vụ Đông xuân 2021.

1.7. Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn: Gây hại cục bộ trên những ruộng lúa xanh tốt bón thừa đạm, giống nhiễm như Bắc thơm số 7, LT2, Nhị ưu 838, Thiên ưu 8, TBR 225,... Cao điểm gây hại của bệnh từ giai đoạn ôm đòng đến chín sấp. Đặc biệt, bệnh hại nặng sau những đợt mưa giông. Tỷ lệ hại nơi cao: 20-30%; cá biệt: 50-80% số lá. Quy mô, mức độ gây hại tương đương so với vụ Đông xuân 2021.

1.8. Bệnh lùn sọc đen: Bệnh gây hại rải rác trên các trà lúa, cao điểm gây hại của bệnh từ giai đoạn làm đòng đến trổ bông. Tỷ lệ hại nơi cao: 0,5-1%; cá biệt: 3-5% số dảnh. Quy mô, mức độ gây hại tương đương so với vụ Đông xuân 2021.

1.9. Nhện gié

Gây hại cục bộ trên các trà lúa, cao điểm gây hại từ khi lúa ôm đòng đến chín sữa, tỷ lệ hại nơi cao: 5-7%, cá biệt: 10-30% số bông. Quy mô, mức độ gây hại cao hơn so với vụ Đông xuân 2021.

Ngoài ra, lúa cỏ, ốc bươu vàng, rêu nhót, bệnh nghệt rễ, bọ xít đen, bệnh đen lép hạt hại cục bộ, bọ trĩ hại rải rác.

2. Trên cây trồng khác

2.1. Trên cây lạc

- *Sâu cuốn lá:* Phát sinh gây hại 2 đợt. Đợt 1: Sâu non nở rộ từ hạ tuần tháng 3 đến thượng tuần tháng 4, hại rải rác trên các trà lạc, mật độ nơi cao: 1-3 con/m²; cá biệt: 5-10 con/m². Đợt 2: Sâu non nở rộ từ hạ tuần tháng 4 đến thượng tuần tháng 5, gây hại trên các trà lạc ở giai đoạn đâm tia, quả non. Mật độ phổ biến: 3-5 con/m²; nơi cao: 7-10 con/m²; cá biệt 20-30 con/m² (Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, TP Ninh Bình,...). Quy mô, mức độ hại cao hơn vụ Đông xuân 2021.

- *Sâu khoang:* Phát sinh hai đợt. Đợt 1: Sâu non nở rộ từ hạ tuần tháng 3 đến thượng tuần tháng 4, gây hại cục bộ trên các vùng trồng lạc, mật độ nơi cao: 3-5 con/m²; cá biệt ở 10-15 con/m². Đợt 2: Sâu non nở rộ từ hạ tuần tháng 4 đến thượng tuần tháng 5. Mật độ phổ biến: 3-5 con/m²; nơi cao: 10-20 con/m², cá biệt ở trên 30 con/m² (Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, TP Ninh Bình...). Quy mô, mức độ hại cao hơn so với vụ Đông xuân 2021.

- *Bệnh đốm lá:* Hại rộng trên tất cả các giống lạc ở các vùng trồng lạc trong tỉnh. Cao điểm gây hại từ giai đoạn quả non đến chín. Tỷ lệ bệnh phổ biến: 3-5%; nơi cao: 10-20%; cá biệt 30-50% số lá (Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, TP Ninh Bình,...). Quy mô, mức độ gây hại cao hơn so với vụ Đông xuân 2021.

Ngoài ra, sâu xám, bệnh lở cổ rễ, gỉ sắt hại rải rác, chuột hại cục bộ.

2.2. Trên cây ngô

- *Sâu keo mùa thu:* Phát sinh thành hai đợt. Đợt 1: Sâu non nở rộ từ trung tuần đến hạ tuần tháng 3, gây hại trên các vùng trồng ngô, mật độ phổ biến: 0,5-1 con/m²; nơi cao: 2-3 con/m²; cá biệt 5-7 con/m². Đợt 2: Sâu non nở rộ từ trung tuần đến hạ tuần tháng 4, mật độ phổ biến: 1-2 con/m²; nơi cao: 3-5 con/m²; cá biệt 7-10 con/m² (Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, TPNB...). Quy mô, mức độ hại thấp hơn so với vụ Đông xuân 2021.

- *Sâu đục thân, đục bắp*: Gây hại rộng trên các trà ngô, cao điểm gây hại từ thượng tuần tháng 4 đến thượng tuần tháng 5, giai đoạn cây ngô trở cờ đến bắp bánh tẻ. Tỷ lệ hại phổ biến: 0,5-1%; nơi cao: 2-3%; cá biệt: 5-10% số cây, bắp. Quy mô, mức độ gây hại tương đương so với vụ Đông xuân 2021.

- *Rệp*: Gây hại cục bộ trên các trà ngô, cao điểm gây hại ở giai đoạn cây ngô xoáy nõn đến trở cờ. Tỷ lệ hại phổ biến: 1-2%; nơi cao: 3-5%; cá biệt: 7-10% số cây. Quy mô, mức độ gây hại tương đương so với vụ Đông xuân 2021.

- *Bệnh đóm lá, gỉ sắt*: Gây hại cục bộ trên các trà ngô, đặc biệt trên giống ngô ngọt. Cao điểm gây hại từ thượng tuần tháng 4 đến hạ tuần tháng 5, giai đoạn cây ngô trở cờ, phun râu đến bắp bánh tẻ, thu hoạch. Tỷ lệ hại phổ biến: 2-3%; nơi cao: 5-10%; cá biệt: 15-30% số lá, số cây. Quy mô và mức độ gây hại cao hơn so với vụ Đông xuân 2021.

- *Bệnh khô vằn*: Gây hại rộng trên các trà ngô, cao điểm gây hại của bệnh từ trung tuần tháng 4 đến trung tuần tháng 5, giai đoạn cây ngô trở cờ đến thu hoạch. Tỷ lệ hại phổ biến: 2-3 %; nơi cao: 5-7%; cá biệt 10-15% số cây, bắp. Quy mô, mức độ gây hại tương đương so với vụ Đông xuân 2021.

Ngoài ra, bệnh lùn sọc đen, chuột hại rải rác, bệnh huyết dụ hại cục bộ.

2.3. Trên cây nhãn, vải

- *Bệnh sương mai*: Cao điểm gây hại từ giai đoạn hoa đến quả non. Tỷ lệ hại phổ biến: 1-3%; nơi cao: 5-10%; cá biệt trên 15% số hoa, quả non. Quy mô, mức độ gây hại tương đương so với vụ Đông xuân 2021.

- *Bọ xít*: Nở rộ từ thượng tuần đến tháng 4 đến trung tuần tháng 5, gây hại giai đoạn quả non đến quả bánh tẻ. Mật độ phổ biến: 0,3-0,5 con/cành; nơi cao: 1-2 con/cành; cá biệt: 3-5 con/cành. Quy mô, mức độ gây hại tương đương so với vụ Đông xuân 2021.

- *Sâu đục cuống quả*: Gây hại cục bộ, cao điểm gây hại từ thượng tuần đến hạ tuần tháng 5. Tỷ lệ hại phổ biến: 1-2%; nơi cao: 3-5%; cá biệt trên 10% số quả. Quy mô, mức độ gây hại cao hơn so với vụ Đông xuân 2021.

Ngoài ra, sâu đục hoa, bệnh thán thư, sâu đục gân lá hại rải rác; nhện lông nhung hại cục bộ.

2.4. Cây dứa

- *Bệnh thối nõn*: Gây hại cục bộ trên các vùng trồng dứa, đặc biệt bệnh hại nặng trên những diện tích dứa đang ở giai đoạn phát triển thân - lá trồng ở địa hình đất thấp, trũng. Cao điểm gây hại từ trung tuần tháng 4 đến hạ tuần tháng 5, tỷ lệ hại nơi cao: 1-3%; cá biệt: 5-7% số cây. Quy mô, mức độ hại thấp hơn so với vụ Đông xuân 2021.

- *Rệp sáp*: Gây hại cục bộ, cao điểm gây hại từ hạ tuần tháng 4 đến hạ tuần tháng 5, tỷ lệ hại nơi cao: 0,5-1%; cá biệt: 2-3% số cây. Quy mô, mức độ hại tương đương so với vụ Đông xuân 2021.

Ngoài ra, bệnh khô đầu lá hại cục bộ.

III. ĐỀ NGHỊ

1. Điều tiết nước hợp lý, bón phân cân đối, đúng kỹ thuật, đặc biệt tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh lúa cải tiến (SRI) giúp cho cây lúa khỏe, tăng khả năng chống chịu với các đối tượng dịch hại.

2. Tăng cường kiểm tra đồng ruộng, theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, diễn biến các đối tượng sinh vật hại trong vụ để phòng chống kịp thời khi tới ngưỡng (*Chú ý*: Chuột, bệnh đạo ôn, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, rầy lưng trắng,... trên cây lúa; sâu cuốn lá, sâu khoang trên cây lạc; sâu keo mùa thu trên cây ngô; bệnh sương mai, bọ xít trên cây nhãn vải).

3. Tích cực triển khai diệt trừ chuột theo Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc tổ chức cộng đồng quản lý chuột hại bảo vệ sản xuất nông nghiệp năm 2022.

4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra vật tư nông nghiệp./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV, Cục Trồng trọt; TTBVTV phía Bắc (để b/c);
 - Sở Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
 - Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp Sở;
 - Trung tâm Khuyến nông, KL, KN;
 - Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thành phố;
 - Đài PTTH, Báo Ninh Bình;
 - Lưu VT.
- PTX

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Đinh Thị Thao